

Số: 35 /2025/QĐST - HNGĐ

B V, ngày 03 tháng 02 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ Điều 33,59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm d, khoản 1 Điều 12;điểm b, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2017/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 362/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024.

Về việc: Chia tài sản chung sau ly hôn.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1969

HKTT : thôn 5, xã B Tr, huyện B V, Hà Nội

Ủy quyền cho Công ty Luật TNHH D T. Đại diện theo pháp luật: Dương Đức T – Chức vụ Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Luật sư Nguyễn Thị Thuý H – Phó giám đốc.

Bị đơn: Ông Phùng Văn Th, sinh năm 1966

HKTT đều: thôn 5, xã B Tr, huyện B V, Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Chị Phùng Thị Linh, sinh năm 1989

HKTT: thôn 5, xã B Tr, huyện B V, Hà Nội

2. Chị Phùng Thị Linh N, sinh năm 1991. Đại diện theo pháp luật bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; HKTT : thôn 5, xã B Tr, huyện B V, Hà Nội. Trợ giúp pháp lý bà Đàm Thị H – Trung tâm trợ giúp nhà nước thành phố Hà Nội.

3. Chị Phùng Thị Khánh H, sinh năm 2002

HKTT: thôn 5, xã B Tr, huyện B V, Hà Nội

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về phần tài sản chung:

Bà Vũ Thị N, Ông Phùng Văn Th và chị Phùng Thị L, chị Phùng Thị Linh Na, chị Phùng Thị Khánh H cùng thỏa thuận thống nhất chia cụ thể như sau:

-Thửa đất thứ nhất: thửa đất số 86, tờ bản đồ 11, diện tích $5.303m^2$ (trong đó có $400m^2$ đất ở và $4903m^2$ đất vườn) tại thôn 5, xã B Tr, huyện B V, tỉnh H T (nay là TP. Hà Nội) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phùng Văn Th cấp ngày 07/6/2004. Theo đo đạc thực trạng diện tích đất còn $5.291.4m^2$.

Giao cho anh Phùng Văn Th được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 86 -1, tờ bản đồ 11, diện tích $1.895.7m^2$ (trong đó có $150m^2$ đất ở và $1.745.7m^2$ đất vườn) Cụ thể gồm các điểm từ 1 đến 2 là 11,32m; điểm từ 2 đến 3 là 10,29m; điểm từ 3 đến 4 là 13,42m; điểm từ 4 đến 5 là 7,15m; điểm từ 5 đến 6 là 2,92m; điểm từ 6 đến 7 là 3,26m; điểm từ 7 đến 8 là 10,66m; điểm từ 8 đến 9 là 13,32m; điểm từ 9 đến 28 là 69,93m; điểm từ 28 đến 29 là 16,75m; điểm từ 29 đến 30 là 4,70m; điểm từ 30 đến 31 là 3,34m; điểm từ 31 đến 1 là 28,30m (có sơ đồ kèm theo) tại thôn 5, xã B Tr, huyện B V, tỉnh H T (nay là TP. Hà Nội) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phùng Văn Th cấp ngày 07/6/2004. Có trị giá đất 1.895.700.000đ (Một tỷ, tám trăm chín mươi năm triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Giao cho bà Vũ Thị N, chị Phùng Thị L, chị Phùng Thị Khánh Hn , chị Phùng Thị Linh N (người giám hộ cho chị N là bà Vũ Thị N, chị Phùng Thị Khánh H, chị Phùng Thị L) được đồng sở hữu quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 86 -2, tờ bản đồ 11, diện tích 3.395.7m² (trong đó có 250m² đất ở và 3.145.7m² đất vườn) Cụ thể gồm các điểm từ 9 đến 10 là 4,01m; điểm từ 10 đến 11 là 4,81m; điểm từ 11 đến 12 là 8,48m; điểm từ 12 đến 13 là 12,87m; điểm từ 13 đến 14 là 4,98m; điểm từ 14 đến 15 là 3,09m; điểm từ 15 đến 16 là 7,82m; điểm từ 16 đến 17 là 1,16m; điểm từ 17 đến 18 là 7,66m ; điểm từ 18 đến 19 là 6,12m ; điểm từ 19 đến 20 là 12,19m; điểm từ 20 đến 21 là 17,71m ; điểm từ 21 đến 22 là 7,62m; điểm từ 22 đến 23 là 13,84m ; điểm từ 23 đến 24 là 8,06m; điểm từ 24 đến 25 là 8,63m; điểm từ 25 đến 26 là 6,51m ; điểm từ 26 đến 27 là 1,42m ; điểm từ 27 đến 28 là 27,15m; điểm từ 28 đến 9 là 69,93m (có sơ đồ kèm theo) tại thôn 5, xã B Tr, huyện B V, tỉnh H T (nay là TP. Hà Nội) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phùng Văn Th cấp ngày 07/6/2004. Có trị giá đất 3.395.700.000đ (Ba tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) và tài sản trên đất gồm: 1. Cổng đi 2 cánh sắt thép hộp, rộng 3,5m, cao 2,5m, 2 trụ xây gạch, xây năm 2010 trị giá 500.000đ. 2. Sân bê tông, sân lát gạch đỏ, tường hoa cao trung bình 0,5m áp quanh sân gạch đỏ và sân bê tông trị giá 1.000.000đ. 3. Mái tôn khung sắt xây lắp diện tích 76,4m² năm 2020 trị giá 1.200.000đ 4. Nhà ở 2 tầng khép kín diện tích 76,4m² xây năm 1993 trị giá 50.000.000đ. 5. Bếp bán mái xây áp vào nhà 3m x7m, lợp tôn năm 2020, tường nền năm 1993, cửa sắt nền lát gạch hoa diện tích 94,9m² trị giá 3.000.000đ. 6. 01 giếng khơi đường kính 1,2m, có quần tang sâu 30m, xây dựng năm 1993 có trị giá 500.000đ. Tổng trị giá tài sản là 56.200.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

-*Thửa đất thứ hai:* đất nông nghiệp thửa đất số 24, tờ bản đồ 08, diện tích 288m² , thửa đất số 26, tờ bản đồ 08, diện tích 200m² , thửa đất số 59A, tờ bản đồ 08, diện tích 240m² , thửa đất số 140, tờ bản đồ 19, diện tích 120m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phùng Văn Th cấp ngày 20/9/1999. Giao cho bà Vũ Thị N, chị Phùng Thị L, chị Phùng Thị Linh N, chị Phùng Thị Khánh H (người giám hộ cho chị Na là bà Vũ Thị N, chị Phùng Thị

Khánh H, chị Phùng Thị L) đồng sở hữu quyền quản lý sử dụng đất nông nghiệp gồm các thửa số 24, tờ bản đồ 08, diện tích 288m² , thửa đất số 26, tờ bản đồ 08, diện tích 200m² , thửa đất số 59A, tờ bản đồ 8, diện tích 240m² , thửa đất số 140, tờ bản đồ 19, diện tích 120m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phùng Văn Th cấp ngày 20/9/1999. Tổng diện tích đất nông nghiệp là 848m² có trị giá 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn*).

Ngoài ra còn thửa đất số 141, tờ bản đồ 12, diện tích 111m² tại thôn 5, xã B Tr, huyện B V, TP. Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phùng Văn Th cấp ngày 20/9/1999 các đương sự không yêu cầu toà án giải quyết.

Ông Phùng Văn Th, bà Vũ Thị N, chị Phùng Thị L, chị Phùng Thị Linh N, chị Phùng Thị Khánh H có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp khi kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, các bên đương sự không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc để điều chỉnh, chỉnh lý, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc theo quy định của pháp luật.

Án phí: bà Vũ Thị N, chị Phùng Thị L, chị Phùng Khánh H phải chịu án phí đất ở ,đất nông nghiệp và tài sản trên đất là 42.300.000đ. Chị N đã tự nguyện nộp tạm ứng án phí 39.000.000đ theo biên lai số 0014376 ngày 14 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án huyện B V, thành phố Hà Nội, nay chị N phải nộp tiếp số tiền 3.300.000đ . Ông Phùng Văn Th phải chịu án phí tài sản là đất là 34.000.000đ. Chị Phùng Thị Linh N được miễn án phí tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện B V;
- Chi cục THA dân sự huyện B V;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thu Hương